TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1115/2023/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 18 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1010/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023, giữa:
Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1961
Địa chỉ: 1 Hẻm C H (số mới: 1 đường V), Phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
Bị đơn: Ông Phạm Đức T, sinh năm: 1955
Địa chỉ: 1 đường V, Phường A, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 55, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;
Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Đức T.

Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28 tháng 3 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh H không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Đức T có 03 người con chung là Phạm Thị Ngọc H, sinh năm: 1985, Phạm Đức H1, sinh năm: 1988 và Phạm Đức B, sinh năm: 1995 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Đức T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.
- Về nghĩa vụ dân sự chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Đức T xác nhận không có công nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, cụ thể bà Nguyễn Thị L phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn) đồng và ông Phạm Đức T phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn) đồng. Tuy nhiên, xét Đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí của bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Đức T với lý do là người cao tuổi. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Đức T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Uỷ ban nhân dân xã G,
huyện G, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Xuân Chính